

Bản án số: **23/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/8/2019

V/v “Ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Cương và bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2019; Về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2019/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: 01 đường L, phường A, thành phố Huế, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Võ Trọng N, sinh năm 1963. Nơi cư trú: 4/4 đường N, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hà Thị C đều trình bày:*

Chị và anh Võ Trọng N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế vào ngày 25/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở nhà bố mẹ chị tại 01 đường L, phường A, thành phố Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 08 năm 2005 cho đến nay thì vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị C xác định chị và anh N không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại biên bản lấy khai ngày 10/4/2019, bị đơn là anh Võ Trọng N trình bày:* Anh và chị Hà Thị C kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 25/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh và mẹ vợ có xích mích, mẹ chị C không cho anh sống tại nhà của bà (khi chị C bỏ về nhà mẹ đẻ sống) nên anh đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ anh, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị C xin ly hôn thì anh cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh N xác định anh và chị C không có con nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định anh và chị C không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Trọng N không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Tại biên bản lấy khai ngày 10/4/2019, bà Võ Thị H (chị gái của anh Võ Trọng N) trình bày:* Sau khi kết hôn, anh N và chị C sống tại bố mẹ của chị C ở 01 đường L, phường A, thành phố Huế. Năm 2006 anh N quay về nhà cha mẹ đẻ sinh sống tại 4/4 đường N, phường T, thành phố Huế. Vợ chồng từ đó sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị không rõ.

*Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2019, bà Nguyễn Thị L (mẹ của chị Hà Thị C) trình bày:* Sau khi kết hôn, anh N và chị C sống tại nhà bà ở 01 đường L, phường A, thành phố Huế. Năm 2006 thì anh N bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng anh N chị C từ đó sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không rõ.

*Qua xác minh, chính quyền địa phương phường T, thành phố Huế cho biết:* Chị Hà Thị C và anh Võ Trọng N đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Huế vào ngày 25/02/2005. Nhưng chị C anh N không chung sống với nhau. Anh N và chị C không có con chung. Nay chị C xin ly hôn anh N thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn anh N vì thực tế hai người không chung sống với nhau.

Tại phiên tòa, chị Hà Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Nghĩa.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chấp nhận đơn ly hôn của chị Hà Thị C. Cho chị C được ly hôn với anh Võ Trọng N. Buộc chị Hà Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh N. Nơi cư trú: 4/4 đường N, phường T, thành phố Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh N và chị C có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào 25/02/2005 (số 25/2005). Như vậy, hôn nhân giữa anh N và chị C là hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị C và anh N sau khi kết hôn từ tháng 2/2005, vợ chồng chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn, đến năm 2006 đã không còn chung sống và không quan tâm gì đến nhau nên chị C xin ly hôn với anh N. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh N cố tình không đến hòa giải, không tham gia phiên tòa, không liên lạc với chị C là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn để hòa giải đoàn tụ gia đình. Như vậy, có căn cứ xác định giữa chị C và anh N không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng điều

56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh Nghĩa.

[2.3] Về con chung: Chị C và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Hà Thị C đối với anh Võ Trọng N về việc “Ly hôn”.

Chị Hà Thị C được ly hôn anh Võ Trọng N.

**2.** Về con chung: Chị C và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 007757 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dán.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**